

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO THẮNG  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 6 - 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Quang Uyên
2. Bà Trần Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2020/TLST- HNGĐ ngày 25/3/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lộc Thị P, sinh năm 1994  
Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.  
Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1989  
Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.  
Vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2020, bản tự khai ngày 25/3/2020 và trong quá trình xét xử thì chị Lộc Thị P và anh Đỗ Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2011 không đăng kết hôn, nhưng được hai bên gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương đến ngày 22 tháng 5 năm 2012 anh chị đến Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh ham chơi lô đề, bị thua lỗ nhiều, đi làm nhưng không mang tiền về nuôi con, chị tham gia khuyên ngăn thì anh không nghe còn đánh chị. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng anh không thay đổi nên mâu

thuần vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng chị tự sống ly thân từ tháng 9 năm 2019, đến giáp tết năm 2020 hai bên gia đình tiếp tục khuyên can hòa giải vì thương con nên chị đã quay về chung sống cùng anh H, nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn H.

Đối với anh Đỗ Văn H tại bản tự khai ngày 25/3/2020 anh xác nhận đúng là anh và chị Lộc Thị P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2011 không đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, đến ngày 22/5/2012 anh chị đi đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do anh ham chơi nên chưa giúp được gì cho vợ con trong sinh hoạt gia đình và làm ăn phát triển kinh tế, xuất phát từ đó vợ chồng hay cãi vã, xô xát. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Nay chị P khởi kiện xin ly hôn anh, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Lộc Thị P và anh Đỗ Văn H đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 2 người con chung. Cháu Đỗ Gia H, sinh ngày 3/8/2011 và cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 8/8/2013. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Đỗ Văn H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Minh Q, để chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Gia H đến khi các cháu trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lộc Thị P và anh Đỗ Văn H đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên khi ly hôn anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản về việc lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 25/3/2020 cháu Đỗ Gia H có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Lộc Thị P.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng, chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, Tòa án đã có văn bản yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ chứng minh công việc và thu nhập của bản thân, song bị đơn vẫn không cung cấp.

Đối với vụ án này, Tòa án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì anh Đỗ Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc anh Đỗ Văn H vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Lộc Thị P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Đỗ Văn H (địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Bị đơn anh Đỗ Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị P và anh Đỗ Văn H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 77/2012 ngày 22/5/2012, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh H ham chơi không giúp đỡ vợ con trong sinh hoạt gia đình và làm ăn phát triển kinh tế, xuất phát từ đó vợ chồng hay cãi vã, xô xát, mâu thuẫn của anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thực. Tại phiên tòa chị Lộc Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Văn H. Đối với anh Đỗ Văn H vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án anh H đã có văn bản trả lời đồng ý ly hôn, nhưng Tòa án thông báo hòa giải nhiều lần, anh đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị P anh H đã thực sự trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ đầu năm 2020, nên việc chị P xin ly hôn anh H là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lộc Thị P ly hôn anh Đỗ Văn H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung cháu Đỗ Gia H, sinh ngày 3/8/2011 và cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 8/8/2013 cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tại phiên tòa chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị P, Hội đồng xét xử xét thấy chị P đã cung cấp được chứng cứ chứng minh công việc của chị ở địa phương là chăn nuôi, trồng trọt ngoài ra lúc nhàn rỗi chị đi làm thuê, mức thu nhập bình quân là

4.500.000 đồng/tháng. Anh H có nguyện vọng nuôi cháu Đỗ Minh Q để chị P nuôi dưỡng cháu Đỗ Gia H, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Mặc dù có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, song Tòa án yêu cầu anh cung cấp chứng cứ chứng minh công việc và thu nhập thì anh không cung cấp theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống của các cháu, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu và nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Đỗ Gia H và cháu Đỗ Minh Q cho chị Lộc Thị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Lộc Thị P không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Lộc Thị P và anh Đỗ Văn H không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lộc Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Lộc Thị P ly hôn anh Đỗ Văn H

2. Về con chung: Xử giao cháu Đỗ Gia H, sinh ngày 3/8/2011 và cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 8/8/2013 cho chị Lộc Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Đỗ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lộc Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0009900 ngày 25/3/2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND xã X;
- Đường sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Phạm Thị Thu Hằng**